

Số: 74/QĐ-HHC

Nghệ An, ngày 19 tháng 03 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Đề cương nhiệm vụ và dự toán chi phí, kế hoạch lựa chọn nhà thầu và dự toán gói thầu Khảo sát, lập phương án xử lý, khắc phục sụt lún khu vực hầm phụ 2.**

### GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc Quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng Ban hành định mức xây dựng;

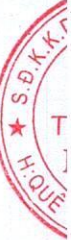
Căn cứ Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình;

Căn cứ Công văn số 1779/BXD-VP ngày 16/8/2007 của Bộ xây dựng về việc Công bố Định mức dự toán xây dựng công trình – Phần Khảo sát Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 4799/QĐ-SXD ngày 23/12/2021 của Sở Xây dựng Nghệ An về việc công bố đơn giá nhân công xây dựng tỉnh Nghệ An theo Thông tư số 13/2021/TT-BXD của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 3925/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 của UBND tỉnh Nghệ An về việc công bố Bộ đơn giá xây dựng công trình tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Quyết định số 47/QĐ-HHC-HĐQT ngày 29/10/2020 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na về việc phê duyệt và ban hành Quy chế phân cấp quyết định đầu tư và lựa chọn nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ từ nguồn vốn sản xuất kinh doanh và vốn vay của Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na;



Căn cứ Quyết định số 10/QĐ-HHC-HĐQT ngày 15/02/2024 của Hội đồng quản trị Công ty về việc phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na;

Căn cứ Đề cương nhiệm vụ và dự toán chi phí Khảo sát, lập phương án xử lý, khắc phục sụt lún khu vực hầm phụ 2 do Liên đoàn bản đồ địa chất miền bắc - Cục địa chất Việt Nam lập tháng 12/2023;

Căn cứ thuyết minh kế hoạch lựa chọn nhà thầu và dự toán gói thầu Khảo sát, lập phương án xử lý, khắc phục sụt lún khu vực hầm phụ 2 do Phòng Kinh tế - Kế hoạch lập ngày 14/3/2024;

Căn cứ Báo cáo thẩm định Đề cương nhiệm vụ và dự toán chi phí, kế hoạch lựa chọn nhà thầu và dự toán gói thầu: Khảo sát, lập phương án xử lý, khắc phục sụt lún khu vực hầm phụ 2 ngày 18/3/2024;

Căn cứ tình hình thực tế tại nhà máy thủy điện Hòa Na;

Xét đề nghị của Phòng KT-KH tại Tờ trình số 12/TTr-KTKH ngày 14/3/2024 về việc phê duyệt Đề cương nhiệm vụ và dự toán chi phí, kế hoạch lựa chọn nhà thầu và dự toán gói thầu Khảo sát, lập phương án xử lý, khắc phục sụt lún khu vực hầm phụ 2.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt đề cương nhiệm vụ và dự toán chi phí, kế hoạch lựa chọn nhà thầu và dự toán gói thầu Khảo sát, lập phương án xử lý, khắc phục sụt lún khu vực hầm phụ 2 với các nội dung chính như sau:

**1. Tên công trình:** Nhà máy thủy điện Hòa Na.

**2. Gói thầu:** Khảo sát, lập phương án xử lý, khắc phục sụt lún khu vực hầm phụ 2.

**3. Chủ đầu tư:** Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na.

**4. Đơn vị lập đề cương, dự toán:** Liên đoàn bản đồ địa chất miền bắc - Cục địa chất Việt Nam.

**5. Khái quát đề cương, nhiệm vụ:**

**5.1. Nhiệm vụ thực hiện:**

- Xác định diện, quy mô các vết nứt, lún đất đá khu vực tháp điều áp đến nhà máy.

- Xác định các yếu tố tác động, nguyên nhân xảy ra nứt, lún đất đá đang xảy ra tại khu vực điều tra.

- Đề ra biện pháp xử lý lún trượt đất đá trong phạm vi nhà máy.

- Thu thập, xử lý tổng hợp tài liệu đã thực hiện tại dự án đầu tư, giai đoạn 1 và 2 Thiết kế Kỹ thuật thủy điện Hòa Na.

- Đo vẽ bản đồ ĐC-ĐCCT tỷ lệ 1/2.000

- Đo địa vật lý bằng phương pháp đo sâu điện.

- Khoan máy

- Lấy phân tích mẫu.

- Xử lý, tổng hợp tài liệu, viết báo cáo kết quả thực hiện.

### 5.2. Nội dung thực hiện:

- Công tác thu thập tài liệu.

- Công tác đo vẽ bản đồ địa chất công trình, bản đồ tỷ lệ 1/2.000, cấp phức tạp

### III.

- Thăm dò địa vật lý điện bằng phương pháp đo sâu điện đối xứng, cấp địa hình III-IV.

- Khoan xoay bơm rửa bằng ống mẫu ở trên cạn, độ sâu hố khoan từ 0m đến 60m, cấp đất đá I - III (đường kính lỗ khoan D110 mm).

- Khoan xoay bơm rửa bằng ống mẫu ở trên cạn, độ sâu hố khoan từ 0m đến 60m, cấp đất đá IV-VI (đường kính lỗ khoan D91 mm, không ống chống).

- Công tác thí nghiệm: Mẫu đất, đá nguyên dạng (hoặc không nguyên dạng): Được lấy trong các lớp có mặt trong các hố khoan, với lớp có chiều dày < 5m lấy 1 mẫu, với lớp có chiều dày > 5m thì trung bình 3m lấy 1 mẫu. Mẫu đất, đá được lấy bằng dụng cụ chuyên dụng, đường kính mẫu  $\geq 91$ mm, có thể lấy 1 ống dài 30cm hoặc 2 ống mỗi ống 20cm. Khối lượng dự kiến 20 mẫu.

(Chi tiết nội dung như đề cương nhiệm vụ của Liên đoàn bản đồ địa chất miền bắc - Cục địa chất Việt Nam kèm theo).

### 5.3. Khối lượng khảo sát dự kiến:

STT	Tên công việc	Đơn vị	Khối lượng
(1)	(2)	(3)	(4)
<b>I</b>	<b>Thu thập tài liệu và đo vẽ bản đồ:</b>		
1	Công tác thu thập tài liệu	Công	15
2	Công tác đo vẽ bản đồ địa chất công trình, bản đồ tỷ lệ 1/2.000, cấp phức tạp III	Ha	10,00
<b>II</b>	<b>Đo địa vật lý:</b>		
3	Thăm dò địa vật lý điện bằng phương pháp đo sâu điện đối xứng, cấp địa hình III-IV	Quan sát địa vật lý	32,00
4	Công tác đo vẽ mặt cắt địa hình, đo vẽ mặt cắt dọc ở trên cạn; cấp địa hình III	100m	4,00
5	Công tác đo không chế cao, thủy chuẩn kỹ thuật, cấp địa hình III	km	0,500
<b>III</b>	<b>Công tác khoan đất đá (04 lỗ khoan 50m):</b>		
6	Khoan xoay bơm rửa bằng ống mẫu ở trên cạn, độ sâu hố khoan từ 0m đến 60m, cấp đất đá I - III (đường kính lỗ khoan D110 mm)	m	120,00
7	Khoan xoay bơm rửa bằng ống mẫu ở trên cạn, độ sâu hố khoan từ 0m đến 60m, cấp đất đá IV-VI (đường kính	m	60,00

STT	Tên công việc	Đơn vị	Khối lượng
	lỗ khoan D91 mm, không ống chống)		
8	Khoan xoay bơm rửa bằng ống mẫu ở trên cạn, độ sâu hố khoan từ 0m đến 60m, cấp đất đá VII-VIII	m	20,00
<b>IV</b>	<b>Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn SPT:</b>		
9	Công tác thí nghiệm tại hiện trường, thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn SPT, cấp đất đá I-III (2m một thí nghiệm)	Thí nghiệm	30
10	Công tác thí nghiệm tại hiện trường, thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn SPT, cấp đất đá IV-VI (3m một thí nghiệm)	Thí nghiệm	20
<b>V</b>	<b>Thí nghiệm trong phòng:</b>		
	<i>Thí nghiệm cơ lý mẫu đất:</i>		
11	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu khối lượng riêng	Chỉ tiêu	14
12	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu độ ẩm độ hút ẩm	Chỉ tiêu	14
13	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu giới hạn dẻo, giới hạn chảy	Chỉ tiêu	14
14	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, thành phần hạt	Chỉ tiêu	14
15	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, sức chống cắt trên máy cắt phẳng	Chỉ tiêu	14
16	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, tính nén lún trong điều kiện không nở hông	Chỉ tiêu	14
17	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, khối thể tích (dung trọng)	Chỉ tiêu	14
	<i>Thí nghiệm mẫu đá:</i>		
18	Khối lượng riêng của đá - Trạng thái khô gió	Chỉ tiêu	4
19	Khối lượng riêng của đá - Trạng thái bão hòa	Chỉ tiêu	4
20	Khối lượng thể tích của đá - Trạng thái khô gió	Chỉ tiêu	4
21	Khối lượng thể tích của đá - Trạng thái bão hòa	Chỉ tiêu	4
22	Cường độ nén của đá - Trạng thái bão hòa	Chỉ tiêu	4
	<i>Thí nghiệm mẫu thạch học:</i>		
23	Thí nghiệm xác định thành phần vật chất và cấu trúc của đá (Lát mỏng thạch học)	Mẫu	4

**7. Tổ chức thẩm định:** Tổ thẩm định Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na.

**8. Địa điểm thực hiện:** xã Đồng Văn, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An.

**9. Dự toán chi phí:**

Giá trị dự toán sau thuế: 824.637.586 đồng.

*Bằng chữ: Tám trăm hai mươi tư triệu, sáu trăm ba mươi bảy nghìn, năm trăm tám mươi sáu đồng./.*

Trong đó:

+ Trước thuế : 749.670.533 đồng;

+ Thuế GTGT (10%): 74.967.053 đồng.

*(Chi tiết như phụ lục kèm theo).*

**10. Nguồn vốn:** Sử dụng nguồn vốn sản xuất kinh doanh 2024 của Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na đã được Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt tại Quyết định số 10/QĐ-HHC-HĐQT ngày 15/02/2024 để triển khai thực hiện.

**11. Hình thức thực hiện:** Chủ đầu tư trực tiếp quản lý trong quá trình thực hiện.

**12. Thời gian thực hiện:** Từ Quý I/2024 đến Quý III/2024 (hoàn thành trong vòng 90 ngày kể từ ngày có yêu cầu của Chủ đầu tư).

**13. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu:**

Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu của gói thầu như sau:

TT	Tên gói thầu	Tóm tắt công việc chính của gói thầu	Giá gói thầu (triệu đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu lựa chọn nhà thầu	Loại Hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu
1	Khảo sát, lập phương án xử lý, khắc phục sụt lún khu vực hầm phụ 2	Khảo sát, lập phương án xử lý, khắc phục sụt lún khu vực hầm phụ 2	824,637	SXKD 2024	Chi định thầu rút gọn	45 ngày	Quý I/2024	Trọn gói	≤ 90 ngày

**14. Dự toán gói thầu:**

Phê duyệt dự toán gói thầu Khảo sát, lập phương án xử lý, khắc phục sụt lún khu vực hầm phụ 2 như sau:

Đơn vị: VNĐ

STT	Nội dung chi phí	Giá trị trước thuế	Thuế GTGT	Giá trị sau thuế	Ký hiệu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3+4)	(6)
<b>1</b>	<b>Chi phí tư vấn</b>	<b>749.670.533</b>	<b>74.967.053</b>	<b>824.637.586</b>	<b>GTV</b>
1.1	Khảo sát, lập phương án xử lý, khắc phục sụt lún khu vực hầm phụ 2	749.670.533	74.967.053	824.637.586	
<b>2</b>	<b>Chi phí dự phòng</b>	-	-	-	<b>GDPTV</b>
	<b>TỔNG CỘNG (1+2)</b>	<b>749.670.533</b>	<b>74.967.053</b>	<b>824.637.586</b>	<b>GGTV</b>

**Điều 2.** Giao cho các Phòng, Phân xưởng Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na tổ chức lựa chọn nhà thầu, triển khai thực hiện các bước tiếp theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước và của Công ty.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các Phó giám đốc; Kế toán trưởng; Trưởng các Phòng, Phân xưởng Công ty chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- HĐQT, BKS (để b/c);
- Lưu VT.



**GIÁM ĐỐC**

**Bùi Huy Thành**

43  
Y  
Y  
E  
IA  
N

**PHỤ LỤC**  
**BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ**  
**CÔNG TRÌNH: NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN HỦA NA**  
**HẠNG MỤC: KHẢO SÁT, LẬP PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ, KHẮC PHỤC SỤT LÚN KHU VỰC HÀM PHỤ 2 VÀ**  
**THÁP ĐIỀU ÁP NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN HỦA NA**

*(Kèm theo quyết định số 74/QĐ-HHC ngày 19/3/2024)*

TT	Nội dung công việc	Đơn vị	Giá trị	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Chi phí chuyên gia	Đồng	14.787.000	Phụ lục I
2	Chi phí khảo sát	Đồng	734.883.533	Phụ lục II
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>Đồng</b>	<b>749.670.533</b>	
	<b>THUẾ VAT (10%)</b>	<b>Đồng</b>	<b>74.967.053</b>	
	<b>TỔNG CỘNG SAU THUẾ</b>	<b>Đồng</b>	<b>824.637.586</b>	

*Bằng chữ: Tám trăm hai mươi tư triệu, sáu trăm ba mươi bảy nghìn, năm trăm tám mươi sáu đồng./.*

**PHỤ LỤC I**

**BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ CHUYÊN GIA**

**CÔNG TRÌNH: NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN HỦA NA**

**HẠNG MỤC: KHẢO SÁT, LẬP PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ, KHẮC PHỤC SỤT LÚN KHU VỰC  
HÀM PHỤ 2 VÀ THÁP ĐIỀU ÁP NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN HỦA NA**

<b>STT</b>	<b>Nội dung công việc</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Khối lượng</b>	<b>Đơn giá trước thuế (đồng)</b>	<b>Thành tiền</b>
(1)		(2)	(3)	(4)	(5)
1	Đánh giá hiện trạng và đề xuất phương án xử lý, khắc phục	Công	4	2.464.500	9.858.000
2	Tổng hợp, hoàn thiện, xuất bản báo cáo hiện trạng, phương án xử lý, khắc phục	Công	2	2.464.500	4.929.000
<b>A</b>	<b>Cộng giá trị trước thuế</b>				<b>14.787.000</b>



**PHỤ LỤC II**  
**BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ KHẢO SÁT**  
**CÔNG TRÌNH: NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN HỦA NA**  
**HẠNG MỤC: KHẢO SÁT, LẬP PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ, KHẮC PHỤC SỤT LÚN KHU VỰC HÀM**  
**PHỤ 2 VÀ THÁP ĐIỀU ÁP NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN HỦA NA**

STT	Tên công việc	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá trước thuế (đồng)	Thành tiền (đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4*5)
<b>I</b>	<b>Thu thập tài liệu và đo vẽ bản đồ:</b>				
1	Công tác thu thập tài liệu	Công	15	691.841	10.377.614
2	Công tác đo vẽ bản đồ địa chất công trình, bản đồ tỷ lệ 1/2.000, cấp phức tạp III	Ha	10,00	9.444.855	94.448.545
<b>II</b>	<b>Đo địa vật lý:</b>				
3	Thăm dò địa vật lý điện bằng phương pháp đo sâu điện đối xứng, cấp địa hình III-IV	Quan sát địa vật lý	32,00	6.330.639	202.580.451
4	Công tác đo vẽ mặt cắt địa hình, đo vẽ mặt cắt dọc ở trên cạn; cấp địa hình III	100m	4,00	1.527.805	6.111.222
5	Công tác đo không chế cao, thủy chuẩn kỹ thuật, cấp địa hình III	km	0,500	2.472.862	1.236.431
<b>III</b>	<b>Công tác khoan đất đá (04 lỗ khoan 50m):</b>				
6	Khoan xoay bơm rửa bằng ống mẫu ở trên cạn, độ sâu hố khoan từ 0m đến 60m, cấp đất đá I - III (đường kính lỗ khoan D110 mm)	m	120,00	1.461.187	175.342.473
7	Khoan xoay bơm rửa bằng ống mẫu ở trên cạn, độ sâu hố khoan từ 0m đến 60m, cấp đất đá IV-VI (đường kính lỗ khoan D91 mm, không ống chống)	m	60,00	1.774.520	106.471.200
8	Khoan xoay bơm rửa bằng ống mẫu ở trên cạn, độ sâu hố khoan từ 0m đến 60m, cấp đất đá VII-VIII	m	20,00	2.892.912	57.858.236
<b>IV</b>	<b>Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn SPT:</b>				
9	Công tác thí nghiệm tại hiện trường, thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn SPT, cấp đất đá I-III (2m một thí nghiệm)	Thí nghiệm	30	623.345	18.700.336
10	Công tác thí nghiệm tại hiện trường, thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn SPT, cấp đất đá IV-VI (3m một thí nghiệm)	Thí nghiệm	20	878.323	17.566.455
<b>V</b>	<b>Thí nghiệm trong phòng:</b>				
	<b>Thí nghiệm cơ lý mẫu đất:</b>				
11	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu khối lượng riêng	Chỉ tiêu	14	616.175	8.626.456
12	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu độ ẩm độ hút ẩm	Chỉ tiêu	14	127.413	1.783.778
13	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu giới hạn dẻo, giới hạn chảy	Chỉ tiêu	14	230.957	3.233.402

STT	Tên công việc	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá trước thuế (đồng)	Thành tiền (đồng)
14	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, thành phần hạt	Chỉ tiêu	14	345.438	4.836.135
15	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, sức chống cắt trên máy cắt phẳng	Chỉ tiêu	14	75.638	1.058.935
16	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, tính nén lún trong điều kiện không nở hông	Chỉ tiêu	14	737.374	10.323.231
17	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, khối thể tích (dung trọng)	Chỉ tiêu	14	72.262	1.011.665
	<b>Thí nghiệm mẫu đá:</b>				
18	Khối lượng riêng của đá - Trạng thái khô gió	Chỉ tiêu	4	330.750	1.323.000
19	Khối lượng riêng của đá - Trạng thái bão hòa	Chỉ tiêu	4	330.750	1.323.000
20	Khối lượng thể tích của đá - Trạng thái khô gió	Chỉ tiêu	4	237.491	949.964
21	Khối lượng thể tích của đá - Trạng thái bão hòa	Chỉ tiêu	4	237.491	949.964
22	Cường độ nén của đá - Trạng thái bão hòa	Chỉ tiêu	4	1.136.003	4.544.011
	<b>Thí nghiệm mẫu thạch học:</b>				
23	Thí nghiệm xác định thành phần vật chất và cấu trúc của đá (Lát mỏng thạch học)	Mẫu	4	1.056.756	4.227.025
<b>A</b>	<b>Cộng giá trị trước thuế</b>				<b>734.883.533</b>
<b>B</b>	<b>Thuế GTGT: A*10%</b>				<b>73.488.353</b>
<b>C</b>	<b>Cộng giá trị sau thuế: (A+B)</b>				<b>808.371.886</b>